

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiện phay CNC nâng cao - MH1102149

Giám thị 1: Lê Thành Huy

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25311MH110214901

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Cao Thế Oanh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lê Thành Huy

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 17/07/2026

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: Xưởng CNC

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006			7,0	Bảy điểm	C26CK1	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006			7,0	Bảy điểm	C26CK1	
3	2410040023	Lê Nhật Duy	08/04/2006			7,0	Bảy điểm	C26CK1	
4	2410040026	Nguyễn Hoàng Duy	02/07/2006			7,8	Bảy phẩy tám	C26CK1	
5	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006			7,5	Bảy phẩy năm	C26CK1	
6	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006			9,0	Chín điểm	C26CK1	
7	2410040015	Bao Thành Giới	28/12/2006			7,5	Bảy phẩy năm	C26CK1	
8	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006			7,0	Bảy điểm	C26CK1	
9	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005			7,5	Bảy phẩy năm	C26CK1	
10	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006			7,0	Bảy điểm	C26CK1	
11	2410040003	Trần Gia Huy	21/6/2006			7,0	Bảy điểm	C26CK1	
12	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006			9,0	Chín điểm	C26CK1	
13	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006			7,5	Bảy phẩy năm	C26CK1	
14	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006			7,0	Bảy điểm	C26CK1	
15	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006			9,0	Chín điểm	C26CK1	
16	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006			7,8	Bảy phẩy tám	C26CK1	
17	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006			7,5	Bảy phẩy năm	C26CK1	
18	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006			7,5	Bảy phẩy năm	C26CK1	
19	2410040027	Trần Hoàng Phúc	10/08/2006			7,5	Bảy phẩy năm	C26CK1	
20	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006			7,5	Bảy phẩy năm	C26CK1	
21	2410040006	Lê Lê Anh Sự	18/8/2006			7,0	Bảy điểm	C26CK1	
22	2410040013	Võ Thành Thái	15/11/2006			7,0	Bảy điểm	C26CK1	
23	2410040019	Đặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006			8,0	Tám điểm	C26CK1	
24	2410040024	Nguyễn Trung Trục	05/09/2006			7,0	Bảy điểm	C26CK1	
25	2410040021	Lương Lê Tứ	12/05/2005					C26CK1	
26	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006			7,5	Bảy phẩy năm	C26CK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đồng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 26 / 26Số sinh viên đạt: 26 Tỷ lệ đạt: 100 %Ngày: 18 tháng 7 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 18 tháng 07 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiện phay CNC nâng cao - MH1102149

Mã lớp học phần: 25311MH110214901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Thành Huy - (02051)

Ngày thi: 28/05/2026 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: X CNC

Giám thị 1: Lê Thành Huy Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2005	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006	C26CK1		6,5	Sáu phẩy năm	
3	2410040023	Lê Nhật Duy	08/04/2006	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
4	2410040026	Nguyễn Hoàng Duy	02/07/2006	C26CK1		7,5	Bảy phẩy năm	
5	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
6	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006	C26CK1		9,0	Chín chẵn	
7	2410040015	Bao Thành Giới	28/12/2006	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
8	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
9	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005	C26CK1		6,5	Sáu phẩy năm	
10	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
11	2410040003	Trần Gia Huy	21/6/2006	C26CK1		6,5	Sáu phẩy năm	
12	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006	C26CK1		8,0	Tám chẵn	
13	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006	C26CK1		6,5	Sáu phẩy năm	
14	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006	C26CK1		6,5	Sáu phẩy năm	
15	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006	C26CK1		8,0	Tám chẵn	
16	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006	C26CK1		6,0	Sáu chẵn	
17	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
18	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
19	2410040027	Trần Hoàng Phúc	10/08/2006	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
20	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
21	2410040006	Lê Lê Anh Sự	18/8/2006	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
22	2410040013	Võ Thành Thái	15/11/2006	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
23	2410040019	Dặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006	C26CK1		7,0	Bảy chẵn	
24	2410040024	Nguyễn Trung Trục	05/09/2006	C26CK1		8,0	Tám chẵn	
25	2410040021	Lương Lê Tứ	12/05/2005	C26CK1		8,0	Tám chẵn	
26	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006	C26CK1		7,5	Bảy phẩy năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / 20 .

Ngày 28 tháng 05 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 28 tháng 05 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Thái Heng



**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiện phay CNC nâng cao - MH1102149

Mã lớp học phần: 25311MH110214901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Thành Huy - (02051)

Ngày thi: 18/06/2026 Giờ thi: 14^h00 Phòng thi: X CNCGiám thị 1: Lê Thành Huy Ký tên: Lê Thành Huy

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006	C26CK1	<u>HN</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006	C26CK1	<u>Danh</u>	7,0	Bảy chẵn	
3	2410040023	Lê Nhật Duy	08/04/2006	C26CK1	<u>ND</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
4	2410040026	Nguyễn Hoàng Duy	02/07/2006	C26CK1	<u>HD</u>	8,0	Tám chẵn	
5	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006	C26CK1	<u>KD</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
6	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006	C26CK1	<u>TD</u>	9,5	Chín phẩy năm	
7	2410040015	Bao Thành Giới	28/12/2006	C26CK1	<u>GT</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
8	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006	C26CK1	<u>PH</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
9	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005	C26CK1	<u>LGH</u>	7,0	Bảy chẵn	
10	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006	C26CK1	<u>NKH</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
11	2410040003	Trần Gia Huy	21/6/2006	C26CK1	<u>TGH</u>	7,0	Bảy chẵn	
12	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006	C26CK1	<u>NTK</u>	8,5	Tám phẩy năm	
13	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006	C26CK1	<u>NTK</u>	7,0	Bảy chẵn	
14	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006	C26CK1	<u>NVL</u>	7,0	Bảy chẵn	
15	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006	C26CK1	<u>TM</u>	8,0	Tám chẵn	
16	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006	C26CK1	<u>NTN</u>	6,0	Sáu chẵn	
17	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006	C26CK1	<u>HTN</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
18	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006	C26CK1	<u>LMN</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
19	2410040027	Trần Hoàng Phúc	10/08/2006	C26CK1	<u>THP</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
20	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006	C26CK1	<u>BTS</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
21	2410040006	Lê Lê Anh Sự	18/8/2006	C26CK1	<u>LLA</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
22	2410040013	Võ Thành Thái	15/11/2006	C26CK1	<u>VT</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
23	2410040019	Đặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006	C26CK1	<u>DLQ</u>	7,5	Bảy phẩy năm	
24	2410040024	Nguyễn Trung Trục	05/09/2006	C26CK1	<u>NTT</u>	8,5	Tám phẩy năm	
25	2410040021	Lương Lê Tứ	12/05/2005	C26CK1	<u>LLT</u>	7,0	Bảy chẵn	
26	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006	C26CK1	<u>PNX</u>	8,0	Tám chẵn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / 26 .

Ngày 18 tháng 06 năm 2016

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 18 tháng 06 năm 2016

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Thái Huy

**TRƯỜNG
PHÒNG
VÀ BÀI**